TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

2. Ông Bùi Dân An

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 496/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Ngọc B, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số nhà 31, khu phố Long Thới, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Vân T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà 138/A, khu phố Long Mỹ, phường Long Thành Bắc, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 12 năm 2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc B trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thành Bắc. Bà và ông T sống hạnh phúc được thời gian đầu. Khoảng từ năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hợp, thường xuyên cải vã nhau. Ông T mê bài bạc, bà cũng đã cố gắng nhưng chịu

không nổi. Bà và ông T đã ly thân khoảng 03 năm nay. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung Lê Huỳnh N, sinh ngày: 22/12/1996 (bị bệnh chết năm 2016) và Lê Trung K, sinh ngày: 06-8-2006. Con chung Lê Trung K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Vân T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà B có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông T vắng mặt không có lý do. Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B đối với ông T; Về con chung: Ông bà có 02 con chung Lê Huỳnh N, sinh ngày: 22/12/1996 (bị bệnh chết năm 2016) và Lê Trung K, sinh ngày: 06-8-2006. Con chung Lê Trung K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà B có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông T vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà B, ông T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thành Bắc. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Bà B xác định bà và ông T sống hạnh phúc được thời gian đầu. Khoảng từ năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hợp, thường xuyên cải vã nhau. Ông T mê bài bạc, bà cũng đã cố gắng nhưng chịu không nổi. Bà và ông T đã ly thân khoảng 03 năm nay. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án

mời ông T nhiều lần lên Tòa án để hàn gắn vợ chồng nhưng ông T không lên. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng bà B, ông T không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B, ông T.

[4] Về con chung: Bà B xác định bà và ông T có 02 con chung Lê Huỳnh N sinh ngày: 22/12/1996 (bị bệnh chết năm 2016) và Lê Trung K, sinh ngày: 06-8-2006. Con chung Lê Trung K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà B là nguyên đơn phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị Ngọc B với ông Lê Vân T. Bà Đinh Thị Ngọc B được ly hôn với ông Lê Vân T.

2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung Lê Huỳnh N, sinh ngày: 22/12/1996 (bị bệnh chết năm 2016) và Lê Trung K, sinh ngày: 06-8-2006. Con chung Lê Trung K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị Ngọc B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà B đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011872 ngày 20-12-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà B đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Tây Ninh;
- CCTHADS. thị xã Tây Ninh;
- UBND. xã Long Thành Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng